

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
KHU VỰC 9 - NINH BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **80/2026/DS-ST**  
Ngày 17 - 04 - 2026  
V/v “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 9, TỈNH NINH BÌNH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Bùi Phương Thảo

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Bà Đoàn Thị Dịu

Ông Phạm Hồng Thái

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Đoàn Minh Toàn - Thư ký viên TAND khu vực 9 - Ninh Bình.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 9 – Ninh Bình tham gia phiên tòa:** Bà Đặng Thị Thu Bích - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 04 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 9 mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 130/2025/TLST-DSST ngày 29 tháng 12 năm 2025 về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 15/2026/QĐXXST-DS ngày 17 tháng 03 năm 2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số 25/2026/QĐHPT-DS ngày 01 tháng 04 năm 2026 , giữa các đương sự:

**1. Nguyên đơn:**

1.1. Công ty cổ phần M (viết tắt Jupiter); Địa chỉ: Tầng A, Tòa nhà P. Central Point, Số 219 phố Trung Kính, Phường Yên Hoà, thành phố Hà

Người đại diện theo pháp luật: Ông Hoàng Anh T – Chức vụ: Tổng Giám đốc

Người đại diện theo ủy quyền của ông Hoàng Anh T: Ông Nguyễn Phúc T1 - Trưởng phòng xử lý nợ (Theo văn bản Ủy quyền số 04/2025/UQ-TGD ngày 29/8/2025).

Đại diện theo ủy quyền của ông Nguyễn Phúc T1 (theo văn bản ủy quyền số 26312/2025/UQ-XLN-JUPITER ngày 01/12/2025):

+ Ông Nguyễn Thành D - Trưởng bộ phận xử lý nợ.

+ Ông Trần Tuấn A - Chuyên viên xử lý nợ.

+ Ông Nguyễn Ngọc N - Chuyên viên xử lý nợ.

Địa chỉ liên hệ: Tòa nhà C, số B Phố T, phường Y, TP Hà Nội.

1.2. Ngân hàng TMCP V (viết tắt V1); Địa chỉ: Số H L, phường Đ, TP ..

Người đại diện theo pháp luật: Ông Ngô Chí D1 - Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng Quản trị.

Đại diện theo ủy quyền của ông Ngô Chí D1: Ông Nguyễn Như G -Trưởng phòng xử lý nợ Pháp lý Tích hợp 2 (theo văn bản ủy quyền số 30/2025/UQN-CTQT ngày 28/7/2025).

2. Bị đơn: Ông Đoàn Xuân Đ, sinh ngày 01/01/1976, căn cước công dân số 036076008896, cấp ngày 24/08/2021, nơi cư trú: TDP V, phường V, tỉnh Ninh Bình (Xóm C, xã N, thành phố N, tỉnh Nam Định cũ).

Tại phiên tòa: Ông Trần Tuấn A có mặt. Ông Trần Quang T2 vắng mặt (có đơn xin xét xử vắng mặt); ông Đoàn Xuân Đ vắng mặt lần thứ 2 dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Tại đơn khởi kiện, bản tự khai người đại diện theo ủy quyền của Công ty cổ phần M (viết tắt Jupiter) là ông Trần Tuấn A trình bày:*

Ngân hàng TMCP V (viết tắt V1) và ông Đoàn Xuân Đ đã ký kết hợp đồng tín dụng số LN2308089937144 ngày 14/08/2023, ông Đoàn Xuân Đ có vay vốn tại V1 số tiền 648.000.000 đồng; Thời hạn vay là 96 tháng. Mục đích sử dụng vốn để thanh toán tiền mua xe oto nhãn hiệu MITSUBISHI TRITON GLS. Tài sản bảo đảm cho khoản vay nêu trên là 01 xe ô tô nhãn hiệu MITSUBISHI TRITON GLS, số khung MMBJLKL10PH043014, số máy 4N15UJS4715. Giấy chứng nhận Đăng ký xe ô tô BKS: 18C – 144.75 do Phòng C công an tỉnh N cấp ngày 14/08/2023, thuộc quyền sở hữu/sử dụng của Ông Đoàn Xuân Đ. Tất cả các phụ tùng, thiết bị, vật phụ... được lắp thêm, thay thế vào Tài sản thế chấp cũng thuộc tài sản thế chấp. Quá trình thực hiện Hợp đồng, ông Đoàn Xuân Đ đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên toàn bộ khoản nợ đã chuyển sang quá hạn và phải chịu mức lãi suất nợ quá hạn và phải chịu mức lãi suất nợ quá hạn.

Theo Hợp đồng Mua bán nợ số 03/2025/VPB-JUPITER ngày 28/02/2025, hợp đồng chuyển nhượng số 04/2025/VPB-JUPITER ngày 28/02/2025 và Phụ lục đính kèm giữa Ngân hàng TMCP V (V1) với Công Ty Cổ Phần M (M) thì V1 đồng ý bán và J đồng ý mua (các) khoản nợ của khách hàng vay là ông Đoàn Xuân Đ, bao gồm các khoản nợ gốc, nợ lãi, nợ lãi quá hạn, tiền phạt vi phạm, bồi thường thiệt hại và các nghĩa vụ tài chính khác (nếu có) phát sinh theo các Hợp đồng tín dụng/Hợp đồng cho vay mà ông Đoàn Xuân Đ đã ký kết với V1 bán 90%

khoản nợ theo hợp đồng cho vay số LN2308089937144 ngày 14/08/2023. Cụ thể là một phần (90%) khoản nợ phát sinh theo Hợp đồng tín dụng số LN2308089937144 ngày 14/08/2023.

Căn cứ vào quy định của pháp luật, Công ty M kế thừa một phần quyền, nghĩa vụ của V1 phát sinh từ các hợp đồng này và các biện pháp bảo đảm kèm theo. Trong đó, có quyền thực hiện khởi kiện khách hàng vay, bên có nghĩa vụ trả nợ, bên bảo đảm tại Tòa án theo quy định pháp luật. Đồng thời, V1 tiếp tục là chủ nợ và bên nhận bảo đảm tương ứng với phần khoản nợ chưa bán cho Công ty M.

Quá trình xử lý khoản vay, V1 và Công ty M đã nhiều lần đôn đốc, yêu cầu ông Đoàn Xuân Đ thực hiện nghĩa vụ thanh toán khoản vay cho VPBank/ Công ty M tuy nhiên ông Đoàn Xuân Đ không thực hiện.

Tạm tính đến ngày 06/07/2025, Ông Đoàn Xuân Đ còn nợ Công ty M và V1 tổng số tiền, cụ thể như sau:

Công ty M: Tổng số tiền còn nợ là 732.333.262 đồng, trong đó 600.749.997 đồng nợ gốc và 131.583.265 đồng nợ lãi và lãi chậm trả.

Ngân hàng V1: Tổng số tiền còn nợ là 73.233.326 đồng, trong đó 60.075.000 đồng và 13.158.327 đồng nợ lãi và lãi chậm trả.

Công ty M và ngân hàng V1 đồng khởi kiện ông Đoàn Xuân Đ ra Tòa án nhân dân khu vực 9, đề nghị Tòa án nhân dân khu vực 9 giải quyết các nội dung sau:

- Buộc ông Đoàn Xuân Đ phải thanh toán cho Công ty Cổ phần M tổng số tiền tạm tính đến ngày 06/07/2025 tổng số tiền là 732.333.262 đồng, trong đó 600.749.997 đồng nợ gốc và 131.583.265 đồng nợ lãi và lãi chậm trả. Buộc ông Đoàn Xuân Đ phải thanh toán cho Ngân hàng V1 tổng số tiền tạm tính đến ngày 06/07/2025 tổng số tiền là 73.233.326 đồng, trong đó 60.075.000 đồng và 13.158.327 đồng nợ lãi và lãi chậm trả.

- Đề nghị Tòa án tiếp tục cho tính lãi theo đúng thỏa thuận trong (các) Hợp đồng tín dụng, khế ước nhận nợ (nếu có) và văn bản tín dụng của khoản vay cho đến ngày ông Đoàn Xuân Đ thực tế thanh toán hết nợ cho Công ty M và V1. Lãi phát sinh phải trả cho J và V1 tương ứng với tỷ lệ sở hữu của mỗi bên đối với từng khoản nợ.

- Kể từ ngày Bản án/Quyết định có hiệu lực pháp luật mà ông Đoàn Xuân Đ không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ cho J và V1 thì J và/hoặc V1 có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án kê biên, phát mại tài sản bảo đảm để thu hồi khoản nợ cho M và/hoặc V1, cụ thể như sau: 01 xe ô tô nhãn hiệu MITSUBISHI TRITON GLS, số khung MMBJLKL10PH043014, số máy

4N15UJS4715. Giấy chứng nhận Đăng ký xe ô tô BKS: 18C – 144.75 do Phòng Công an tỉnh N cấp ngày 14/08/2023, thuộc quyền sở hữu/sử dụng của Ông Đoàn Xuân Đ. Tất cả các phụ tùng, thiết bị, vật phụ... được lắp thêm, thay thế vào Tài sản thế chấp cũng thuộc tài sản thế chấp. Số tiền thu được từ việc kê biên, phát mại tài sản bảo đảm phải được thanh toán cho Công ty M và V1 theo đúng tỉ lệ sở hữu của mỗi bên đối với từng khoản nợ.

- Trong trường hợp tài sản bảo đảm sau khi kê biên, phát mại không đủ trả nợ, Jupite và/hoặc V1 có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án xác minh, kê biên, phát mại các tài sản khác của ông Đoàn Xuân Đ để thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho J và/hoặc V1 cho đến khi thực tế trả hết (các) khoản nợ.

*\* Tại đơn khởi kiện, B tự khai, người đại diện theo uỷ quyền của Ngân hàng TMCP V (viết tắt V1) là ông Trần Quang T2 trình bày:*

Ngân hàng V1 thống nhất với quan điểm trình bày của đại diện theo uỷ quyền của Công ty M, ông đề nghị Toà án nhân dân khu vực 9 giải quyết yêu cầu khởi kiện của Công ty M và V1 đối với bị đơn là ông Đoàn Xuân Đ theo quy định pháp luật.

Quá trình giải quyết vụ án, Toà án nhân dân khu vực 9 đã tiến hành xác minh thu thập chứng cứ tại Phường V - nơi bị đơn cư trú. Kết quả xác minh như sau: Ông Đoàn Xuân Đ, sinh năm 1976 có đăng ký hộ khẩu thường trú tại TDP V, phường V, tỉnh Ninh Bình (Xóm C, xã N, Thành phố N, tỉnh Nam Định cũ) nhưng tại thời điểm xác minh ông Đ đi làm ban ngày, ban tối mới về nhà; hiện gia đình ông Đ không có ai ở nhà nên Toà án đã tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng.

Đại diện Công ty M và ngân hàng V1 có đơn đề nghị Toà án không tiến hành xem xét thẩm định tại chỗ đối với tài sản thế chấp trong vụ án này.

*Tại phiên toà:*

Đại diện theo uỷ quyền của Công ty M và ngân hàng V1 vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và đề nghị Toà án giải quyết các vấn đề cụ thể như sau:

- Buộc ông Đoàn Xuân Đ phải thanh toán cho Công ty cổ phần M và V1 tổng số tiền tạm tính đến ngày 17/04/2026 là:

|        | Công ty Jupiter | VPBank     | Công ty Jupiter và VPBank |
|--------|-----------------|------------|---------------------------|
| Nợ Gốc | 540.674.997     | 60.075.000 | 600.749.997               |
| Nợ Lãi | 198.681.316     | 22.075.702 | 220.757.018               |
| Tổng   | 739.356.313     | 82.150.701 | 821.507.015               |

- Đề nghị Tòa án tiếp tục cho tính lãi theo đúng thỏa thuận trong (các) Hợp đồng tín dụng, khế ước nhận nợ (nếu có) và văn bản tín dụng của khoản vay cho đến ngày ông Đoàn Xuân Đ thực tế thanh toán hết nợ cho Công ty M và V1. Lãi phát sinh phải trả cho J và V1 tương ứng với tỷ lệ sở hữu của mỗi bên đối với từng khoản nợ.

- Kể từ ngày Bản án/Quyết định có hiệu lực pháp luật mà ông Đoàn Xuân Đ không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ cho J và V1 thì J và/hoặc V1 có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án kê biên, phát mại tài sản bảo đảm để thu hồi khoản nợ cho M và/hoặc V1, cụ thể như sau: 01 xe ô tô nhãn hiệu MITSUBISHI TRITON GLS, số khung MMBJLKL10PH043014, số máy 4N15UJS4715. Giấy chứng nhận Đăng ký xe ô tô BKS: 18C – 144.75 do Phòng Công an tỉnh N cấp ngày 14/08/2023, thuộc quyền sở hữu/sử dụng của Ông Đoàn Xuân Đ. Tất cả các phụ tùng, thiết bị, vật phụ... được lắp thêm, thay thế vào Tài sản thế chấp cũng thuộc tài sản thế chấp. Số tiền thu được từ việc kê biên, phát mại tài sản bảo đảm phải được thanh toán cho Công ty M và V1 theo đúng tỉ lệ sở hữu của mỗi bên đối với từng khoản nợ.

- Trong trường hợp tài sản bảo đảm sau khi kê biên, phát mại không đủ trả nợ, Jupite và/hoặc V1 có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án xác minh, kê biên, phát mại các tài sản khác của ông Đoàn Xuân Đ để thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho J và/hoặc V1 cho đến khi thực tế trả hết (các) khoản nợ.

*\* Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:*

- Về thủ tục tố tụng: Việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa của Thẩm phán và HĐXX đúng quy định của BLTTDS. Nguyên đơn đã chấp hành nghiêm chỉnh quy định về quyền và nghĩa vụ theo quy định tại các Điều 70; 71 BLTTDS. Bị đơn nhiều lần vắng mặt trong các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải đã vi phạm quy định về quyền và nghĩa vụ của bị đơn theo quy định tại Điều 70, 72 BLTTDS. Việc Tòa án mở phiên tòa khi bị đơn vắng mặt lần thứ 2 không có lý do là đúng theo quy định tại Điều 227 và Điều 228 BLTTDS.

- Về nội dung giải quyết vụ án: Căn cứ vào các Điều 91 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 sửa đổi bổ sung năm 2017; Điều 26, 35; 74 147 Bộ luật tố tụng dân sự, các Điều 317, 299, 463, 466, 468 Bộ luật Dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Thông tư số 18/2022/TT-NHNN ngày 26/12/2022.

- Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Công ty M và ngân hàng V1.

+ Buộc ông Đoàn Xuân Đ phải trả nợ cho Công ty M tính đến ngày 17/04/2026 tổng số tiền là 739.356.313 đồng trong đó 540.674.997 đồng tiền gốc và 198.681.316 đồng tiền lãi.

+ Buộc ông Đoàn Xuân Đ phải trả nợ cho ngân hàng V1 tính đến ngày 17/04/2026 tổng số tiền là 82.150.701 đồng trong đó 60.075.000 tiền gốc và 22.075.702 tiền lãi.

Tổng cộng, ông Đoàn Xuân Đ phải thanh toán cho Công ty M và ngân hàng V1 tổng số tiền tính đến ngày 17/04/2026 là 821.507.015 đồng. Trong đó, nợ gốc 600.749.997 đồng và nợ lãi 220.757.018 đồng.

- Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, ông Đoàn Xuân Đ còn phải trả cho Công ty M và ngân hàng V1 tiền lãi theo đúng thoả thuận quy định tại các Hợp đồng tín dụng đã ký kết giữa các bên cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ cho Công ty M và ngân hàng V1. Lãi phát sinh phải trả cho J và V1 tương ứng với tỷ lệ sở hữu của mỗi bên đối với từng khoản nợ.

- Kể từ ngày Bản án/Quyết định có hiệu lực pháp luật mà ông Đoàn Xuân Đ không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ cho J và V1 thì J và/hoặc V1 có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án kê biên, phát mại tài sản bảo đảm để thu hồi khoản nợ cho M và/hoặc V1, cụ thể như sau: 01 xe ô tô nhãn hiệu MITSUBISHI TRITON GLS, số khung MMBJLKL10PH043014, số máy 4N15UJS4715. Giấy chứng nhận Đăng ký xe ô tô BKS: 18C – 144.75 do Phòng Công an tỉnh N cấp ngày 14/08/2023, thuộc quyền sở hữu/sử dụng của Ông Đoàn Xuân Đ. Tất cả các phụ tùng, thiết bị, vật phụ... được lắp thêm, thay thế vào Tài sản thế chấp cũng thuộc tài sản thế chấp. Số tiền thu được từ việc kê biên, phát mại tài sản bảo đảm phải được thanh toán cho Công ty M và V1 theo đúng tỉ lệ sở hữu của mỗi bên đối với từng khoản nợ.

- Trong trường hợp tài sản bảo đảm sau khi kê biên, phát mại không đủ trả nợ, Jupite và/hoặc V1 có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án xác minh, kê biên, phát mại các tài sản khác của ông Đoàn Xuân Đ để thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho J và/hoặc V1 cho đến khi thực tế trả hết (các) khoản nợ.

Về án phí: Ông Đoàn Xuân Đ phải chịu án phí theo quy định; Hoàn trả cho nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Căn cứ Điều 26 và Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự 2015, sửa đổi bổ sung năm 2025 (BLTTDS), Toà án nhân dân khu

vực 9, tỉnh Ninh Bình thụ lý, giải quyết theo thủ tục sơ thẩm quan hệ tranh chấp giữa Công ty M và V1 khởi kiện yêu cầu ông Đoàn Xuân Đ có hộ khẩu thường trú tại TDP V, phường V, tỉnh Ninh Bình là đúng pháp luật.

Ngân hàng V1 và Công Ty Cổ Phần M (J) ký hợp đồng tín dụng với ông Đoàn Xuân Đ mục đích là sử dụng vốn để thanh toán tiền mua ô tô. Ông Đoàn Xuân Đ cũng không xuất trình đăng ký kinh doanh nên tranh chấp trong vụ án này là tranh chấp hợp đồng tín dụng; hợp đồng đã được hai bên thống nhất thỏa thuận, ký kết bởi người có đủ thẩm quyền, hình thức và nội dung hợp đồng không vi phạm các điều cấm, không trái pháp luật và đạo đức xã hội. Do đó, các hợp đồng tín dụng này là hợp pháp và là căn cứ pháp lý để các bên thực hiện.

Việc Tòa án mở phiên tòa xét xử vụ án khi bị đơn là ông Đoàn Xuân Đ vắng mặt lần thứ hai tại phiên tòa là đúng quy định tại Điều 227 và Điều 228 BLTTDS.

Đối với việc ngân hàng V1 ký kết hợp đồng mua bán nợ số 03/2025/VPB-JUPITER ngày 28/02/2025, hợp đồng chuyển nhượng số 04/2025/VPB-JUPITER ngày 28/02/2025 và Phụ lục đính kèm giữa Ngân hàng TMCP V (V1) với Công Ty Cổ Phần M (M) thì V1 đồng ý bán và J đồng ý mua (các) khoản nợ của khách hàng vay là ông Đoàn Xuân Đ ký kết với V1 bán 90% khoản nợ theo hợp đồng cho vay số LN2308089937144 ngày 14/08/2023. Cụ thể là một phần (90%) khoản nợ phát sinh theo Hợp đồng tín dụng số LN2308089937144 ngày 14/08/2023. Như vậy, căn cứ vào quy định của pháp luật, M kế thừa 90% quyền, nghĩa vụ của V1 phát sinh từ cho vay số LN2308089937144 ngày 14/08/2023 và các biện pháp bảo đảm kèm theo. Trong đó, có quyền thực hiện khởi kiện khách hàng vay, bên có nghĩa vụ trả nợ, bên bảo đảm tại Tòa án theo quy định pháp luật. Đồng thời, V1 tiếp tục là chủ nợ và bên nhận bảo đảm tương ứng với phần khoản nợ chưa bán cho J. Việc chuyển giao một phần quyền yêu cầu giữa V1 với J được thực hiện theo quy định tại các Điều 365, 368 BLDS nên J1 là tổ chức kế thừa một phần quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại khoản 4 Điều 74 Bộ luật tố tụng dân sự. Vì vậy, J có quyền yêu cầu bị đơn phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo yêu cầu khởi kiện của V1.

*[2] Về nội dung:*

Xét hợp đồng tín dụng ký kết giữa ngân hàng V1 và ông Đoàn Xuân Đ là hợp đồng cho vay số LN2308089937144 (Mã số hợp đồng định danh trên hệ thống của V1 là LD2322701359) ngày 14/08/2023. Ông Đoàn Xuân Đ có vay vốn tại V1 số tiền 648.000.000 đồng; Thời hạn vay là 96 tháng. Mục đích sử dụng vốn để thanh toán tiền mua xe ô tô nhãn hiệu MITSUBISHI TRITON GLS.

Tại thời điểm ký các hợp đồng, Ngân hàng V1 là pháp nhân hợp pháp có đăng ký kinh doanh, ông Đoàn Xuân Đ có đầy đủ năng lực hành vi dân sự, việc ký kết hợp đồng và các văn bản khác thể hiện ý chí tự nguyện của các bên. Nội dung hợp đồng không vi phạm điều cấm, không trái đạo đức xã hội, hình thức hợp đồng đảm bảo các điều kiện theo quy định của pháp luật. Do đó, các hợp đồng giữa ngân hàng V1 và ông Đoàn Xuân Đ cùng các văn bản kèm theo đều hợp pháp, các bên tham gia ký kết đều phải có nghĩa vụ tôn trọng thực hiện.

Quá trình thực hiện các hợp đồng, ông Đoàn Xuân Đ đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ đối với V1 và phải chịu lãi suất nợ quá hạn ngày 15/04/2024. Tính đến nay, ông Đoàn Xuân Đ mới trả được tổng số tiền là 78.452.222 đồng trong đó 47.250.003 đồng tiền gốc, 31.202.219 tiền lãi. Ngân hàng V1 đã nhiều lần thông báo, đôn đốc ông Đoàn Xuân Đ thanh toán khoản nợ nhưng ông Đ không thực hiện được. Vì vậy, Công ty M và ngân hàng V1 khởi kiện ông Đoàn Xuân Đ tại TAND khu vực 9 - Ninh Bình thanh toán toàn bộ khoản nợ là có căn cứ.

*[3] Xét yêu cầu thanh toán tiền vay gốc, tiền lãi phải trả của Ngân hàng V1 và Công ty M đối với ông Đoàn Xuân Đ.*

Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thì số tiền gốc mà V1 đã giải ngân cho ông Đ theo hợp đồng cho vay số LN2308089937144 (Mã số hợp đồng định danh trên hệ thống của V1 là LD2322701359) ngày 14/08/2023 là 648.000.000 đồng.

Về lãi suất trong hạn: Tại hợp đồng cho vay đã ký kết, các bên thỏa thuận lãi suất tại thời điểm giải ngân của hợp đồng cho vay là 9,5%/năm. Lãi suất được điều chỉnh theo quy định tại điểm b khoản 7 Điều 1 của hợp đồng cho vay. Lãi trong hạn tại thời điểm chuyển nợ quá hạn (ngày 15/04/2024) là 9,5%/năm.

Về lãi suất quá hạn: Tại điểm e, khoản 7 Điều 1 của hợp đồng cho vay có quy định về lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn. Ông Đ đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ đối với V1 từ ngày 15/04/2024 và phải chịu lãi suất nợ quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn.

Quá trình thực hiện hợp đồng, ông Đ đã thanh toán cho Ngân hàng V1 tổng số tiền là 78.452.222 đồng trong đó 47.250.003 đồng tiền gốc, 31.202.219 tiền lãi. Xét thấy việc thỏa thuận lãi suất của các đương sự là hoàn toàn tự nguyện, thỏa thuận về mức lãi suất và điều chỉnh lãi suất là phù hợp với Điều 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng và Điều 13 Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của Ngân hàng N1 nên cần được chấp nhận.

Như vậy, tính đến thời điểm xét xử sơ thẩm, ông Đoàn Xuân Đ phải trả cho Ngân hàng V1 và Công ty M tổng số tiền như sau:

|        | Công ty Jupiter | VPBank     | Công ty Jupiter và VPBank |
|--------|-----------------|------------|---------------------------|
| Nợ Gốc | 540.674.997     | 60.075.000 | 600.749.997               |
| Nợ Lãi | 198.681.316     | 22.075.702 | 220.757.018               |
| Tổng   | 739.356.313     | 82.150.701 | 821.507.015               |

Ông Đoàn Xuân Đ phải chịu mức lãi suất trong hạn, lãi suất nợ quá hạn theo thỏa thuận trong hợp đồng cho vay số LN2308089937144 ngày 14/08/2023 là phù hợp, có cơ sở chấp nhận.

[4] Về hợp đồng thế chấp số LN2308089937144 ký kết ngày 14/08/2023 giữa Ngân hàng V1 với ông Đoàn Xuân Đ:

HĐXX xét thấy về hình thức hợp đồng đều được lập thành văn bản, các bên tham gia ký kết đúng thành phần đại diện và có chữ ký, con dấu của các bên. Nội dung thế chấp thể hiện đầy đủ thông tin của bên thế chấp là ông Đ, bên nhận thế chấp là Ngân hàng V1, quyền và nghĩa vụ của các bên, thông tin về tài sản thế chấp. Tài sản thế chấp thuộc đối tượng đăng ký giao dịch bảo đảm và đã được Ngân hàng V1 làm thủ tục giao dịch đảm bảo.

Căn cứ vào các Điều 317, Điều 318, Điều 319, Điều 320, Điều 321, Điều 322, Điều 323 của BLDS xác định hợp đồng thế chấp số LN2308089937144 ký kết ngày 14/08/2023 giữa Ngân hàng V1 với ông Đoàn Xuân Đ có giá trị pháp lý và hiệu lực thi hành với các bên.

[5] Về xử lý tài sản thế chấp: Để đảm bảo cho khoản vay, ông Đoàn Xuân Đ đã tự nguyện thế chấp 01 xe ô tô nhãn hiệu MITSUBISHI TRITON GLS, số khung MMBJLKL10PH043014, số máy 4N15UJS4715. Giấy chứng nhận Đăng ký xe ô tô BKS: 18C – 144.75 do Phòng C công an tỉnh N cấp ngày 14/08/2023, thuộc quyền sở hữu/sử dụng của Ông Đoàn Xuân Đ. Tất cả các phụ tùng, thiết bị, vật phụ... được lắp thêm, thay thế vào Tài sản thế chấp cũng thuộc tài sản thế chấp.

Quá trình giải quyết vụ án, ông Đoàn Xuân Đ đi làm ban ngày, ban tối về nhà nên không thể kiểm tra được xe ô tô và nguyên đơn có đơn đề nghị Toà án không tiến hành xem xét thẩm định tại chỗ đối với tài sản thế chấp trong vụ án này.

HĐXX xét thấy: Hợp đồng thế chấp được ký kết giữa các bên đều là tự nguyện thỏa thuận, phù hợp với các quy định của pháp luật, đã được công chứng và đăng ký giao dịch bảo đảm theo đúng quy định của pháp luật nên được xác định là hợp pháp. Do vậy, cần chấp nhận yêu cầu của V1 và Công ty M về việc được quyền xử lý tài sản bảo đảm nếu ông Đ không trả được nợ. Nếu số tiền thu được từ

việc phát mại tài sản bảo đảm không đủ thanh toán hết khoản nợ thì ông Đ vẫn phải có nghĩa vụ thanh toán hết khoản nợ cho V1 và Công ty M. Trường hợp, ông Đ đã trả toàn bộ khoản nợ trên thì V1 và Công ty M phải trả lại toàn bộ giấy tờ liên quan đến tài sản thế chấp cho chủ sử dụng, chủ sở hữu tài sản.

[6] Về án phí sơ thẩm: Do yêu cầu của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận, bị đơn phải nộp án phí sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 26 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Nguyên đơn không phải nộp án phí sơ thẩm và được hoàn lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

- Căn cứ Điều 26, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 74, Điều 147, Điều 227, Điều 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2025.

- Căn cứ các Điều 241, 292, 293, 298, 299, 317, 318, 319, 320, 321, 322, 323, 365, 368, 463, 466, 470 Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 91, 95, 98 Luật Các tổ chức tín dụng 2010, sửa đổi bổ sung năm 2017;

- Điều 7, Điều 8 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao;

- Căn cứ Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của Ngân hàng N1;

- Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

**1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Công ty cổ phần M (J) và Ngân hàng TMCP V (V1).**

- Buộc ông Đoàn Xuân Đ phải trả cho Công ty M và Ngân hàng V1 theo hợp đồng tín dụng gồm: Hợp đồng cho vay số LN2308089937144 (Mã số hợp đồng định danh trên hệ thống của V1 là LD2322701359) ngày 14/08/2023 tính đến ngày xét xử sơ thẩm 17/04/2026 số tiền như sau:

|        | Công ty Jupiter | VPBank     | Công ty Jupiter và VPBank |
|--------|-----------------|------------|---------------------------|
| Nợ Gốc | 540.674.997     | 60.075.000 | 600.749.997               |
| Nợ Lãi | 198.681.316     | 22.075.702 | 220.757.018               |

|      |             |            |             |
|------|-------------|------------|-------------|
| Tổng | 739.356.313 | 82.150.701 | 821.507.015 |
|------|-------------|------------|-------------|

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, ông Đoàn Xuân Đ còn phải trả cho Công ty M và ngân hàng V1 tiền lãi theo đúng thỏa thuận quy định tại các Hợp đồng tín dụng đã ký kết giữa các bên cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ cho Công ty M và ngân hàng V1. Lãi phát sinh phải trả cho J và V1 tương ứng với tỷ lệ sở hữu của mỗi bên đối với từng khoản nợ.

**2.** Kể từ ngày Bản án/Quyết định có hiệu lực pháp luật mà ông Đoàn Xuân Đ không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ cho J và V1 thì J và/hoặc V1 có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án kê biên, phát mại tài sản bảo đảm để thu hồi khoản nợ cho M và/hoặc V1, cụ thể như sau: 01 xe ô tô nhãn hiệu MITSUBISHI TRITON GLS, số khung MMBJLKL10PH043014, số máy 4N15UJS4715. Giấy chứng nhận Đăng ký xe ô tô BKS: 18C – 144.75 do Phòng Công an tỉnh N cấp ngày 14/08/2023, thuộc quyền sở hữu/sử dụng của Ông Đoàn Xuân Đ. Tất cả các phụ tùng, thiết bị, vật phụ... được lắp thêm, thay thế vào Tài sản thế chấp cũng thuộc tài sản thế chấp.

- Số tiền thu được từ việc kê biên, phát mại tài sản bảo đảm phải được thanh toán cho Công ty M và V1 theo đúng tỉ lệ sở hữu của mỗi bên đối với từng khoản nợ.

- Trong trường hợp tài sản bảo đảm sau khi kê biên, phát mại không đủ trả nợ, Jupite và/hoặc V1 có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án xác minh, kê biên, phát mại các tài sản khác của ông Đoàn Xuân Đ để thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho J và/hoặc V1 cho đến khi thực tế trả hết (các) khoản nợ.

Số tiền phát mại tài sản bảo đảm thu được sau khi trả nợ Jupite và/hoặc V1 nếu còn thừa sẽ trả lại cho bên thế chấp nếu thiếu bên thế chấp phải tiếp tục hoàn thành nghĩa vụ trả nợ.

V1 và Công ty M có nghĩa vụ trả lại các giấy tờ liên quan đến tài sản thế chấp cho ông Đoàn Xuân Đ khi ông Đ thanh toán xong các khoản nợ nêu trên cho V1 và Công ty M.

**3.** Án phí dân sự sơ thẩm: Ông Đoàn Xuân Đ phải nộp 36.645.000 (ba mươi sáu triệu, sáu trăm bốn mươi lăm nghìn) đồng (Đã làm tròn).

Công ty M được trả lại số tiền 16.600.000 (Mười sáu triệu, sáu trăm nghìn) đồng đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền số 0003919 ngày 31/12/2025 tại Thi hành án dân sự tỉnh Ninh Bình.

**4.** Quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Đương sự vắng mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ theo quy định của BLTTDS.

*Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.*

**Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- VKSND Khu vực 9;
- VKSND tỉnh Ninh Bình;
- THADS tỉnh Ninh Bình;
- UBND phường V, Ninh Bình;
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Bùi Phương Thảo**



